

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02-DN/HN

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 4 - 2010	Quý 4 - 2009	Lũy kế 2010	Lũy kế 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	270.801.228.060	280.202.156.215	856.404.187.666	823.990.748.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	11.398.233.485	3.348.895.939	23.375.584.318	14.483.461.039
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	VI.1	259.402.994.575	276.853.260.276	833.028.603.348	809.507.287.740
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	207.256.029.600	211.822.527.857	651.871.004.561	623.746.482.860
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		52.146.964.975	65.030.732.419	181.157.598.787	185.760.804.880
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	184.120.298	1.781.463.476	1.393.360.657	5.128.523.232
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	444.750.294	1.822.702.691	1.778.291.103	4.188.562.490
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	327.275.643	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	20.868.041.980	18.816.716.534	62.586.791.665	56.667.114.140
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18.992.193.970	14.127.025.450	55.129.745.041	41.526.470.615
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.026.099.029	32.045.751.220	63.056.131.635	88.507.180.867
11. Thu nhập khác	31	V.7	3.400.540.720	1.169.608.912	4.562.887.814	5.438.172.395
12. Chi phí khác	32	V.8	579.943.841	1.000.171.778	720.904.675	1.475.828.434
13. Lợi nhuận khác	40		2.820.596.879	169.437.134	3.841.983.139	3.962.343.961
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.846.695.908	32.215.188.354	66.898.114.774	92.469.524.828
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.303.910.541	7.254.043.207	17.889.786.814	21.417.444.986
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(124.735.704)	387.508	(211.319.284)	(4.004.246)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.667.521.071	24.960.757.639	49.219.647.243	71.056.084.088
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			729.536.896	3.604.115.782	2.558.513.855	7.680.737.408
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			9.937.984.175	21.356.641.857	46.661.133.388	63.375.346.680
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Kế toán trưởng



NGUYỄN ĐỒNG PHƯƠNG

